

Số: 590/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 763/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

1.1. Mục tiêu

Phát huy tiềm năng, lợi thế, truyền thống đoàn kết, bản sắc văn hóa các dân tộc; tiếp tục đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Phát triển nhanh, bền vững, lấy nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản là trung tâm, gắn kết với du lịch sinh thái, văn hóa; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng tỉnh Sơn La trở thành tỉnh phát triển khá, trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng Tây Bắc, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trọng điểm du lịch của vùng Trung du, miền núi phía Bắc và vùng biên giới Việt Nam - Lào.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030: 25 chỉ tiêu (có Biểu chi tiết kèm theo).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Phát triển kinh tế xanh, nhanh, bền vững

2.1.1. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển đồng bộ và tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển theo định hướng tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng hiện đại, dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, công dân số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động sang những ngành, lĩnh vực có năng suất và hiệu quả cao, gắn tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực với phát huy lợi thế của từng địa phương và tiếp cận với nhu cầu thị trường; gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Cải thiện các điều kiện để tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế liên kết cùng phát triển.

2.1.2. Tập trung xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực, vùng khó khăn của tỉnh. Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử; nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế. Chủ động triển khai các hoạt động đẩy mạnh liên kết vùng, nhất là với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; phối hợp với các tỉnh xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng, hợp tác phát triển thương mại, du lịch, xuất khẩu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ; hình thành các chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương cùng phát triển.

2.1.3. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để có sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đặc biệt là đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu. Phát triển nền nông nghiệp đa dạng sinh học, xây dựng nền nông nghiệp đặc sản tạo nên sự khác biệt gắn với chuỗi ẩm thực của tỉnh và phát triển du lịch. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án xây dựng Sơn La thành Trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Bắc; Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn.

Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và đạt chuẩn VietGAP. Từng bước chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành công trình thủy lợi và dịch vụ thủy lợi theo cơ chế thị trường, gắn lợi ích với quyền lợi và trách nhiệm của người quản lý vận hành, người dùng nước. Ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, phục vụ tưới cây ăn quả, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung. Ứng dụng công nghệ tiên tiến tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước. Thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư, bảo vệ, phát triển rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; chú trọng đẩy mạnh phát triển các dự án trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phân đấu trồng rừng mới tập trung mỗi năm khoảng 2.000 ha.

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

2.1.4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường, phát triển công nghiệp sinh học, phát triển công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế về tài nguyên như chế biến nông, lâm, sản; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và phát thải carbon thấp; khai khoáng và chế biến khoáng sản; các ngành có lợi thế về thị trường, lao động như dệt may, da giày. Đồng thời, tập trung hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư các khu, cụm công nghiệp. Huy động các nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường, ứng dụng khoa học - công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Tập trung chuẩn bị các điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Sơn La thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp¹.

2.1.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý hạ tầng thương mại. Tiếp tục nâng cao chất lượng các chương trình,

¹ Theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đảm bảo theo quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024.

sự kiện xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trong tỉnh và các nhà phân phối đơn vị xuất, nhập khẩu phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm với phương châm “*Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện*”. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch; hạ tầng giao thông kết nối các khu, điểm du lịch và hạ tầng khác; ưu tiên các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu và hoàn thiện các tiêu chí của khu du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La. Phát huy lợi thế của tỉnh về văn hóa và nông nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, hấp dẫn, trong đó quan tâm, chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu, hình ảnh du lịch Sơn La.

2.1.6. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với thực hiện cơ cấu lại đầu tư công

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch chung đô thị và nông thôn, định hướng sử dụng đất và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

2.1.7. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản công ngân sách và hoạt động tín dụng, ngân hàng

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách, nhất là thu nội địa theo hướng tích cực, thực hiện chính sách bồi dưỡng nguồn thu ổn định, bền vững; tăng cường khai thác nguồn thu mới, để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó ưu tiên tăng đầu tư xã hội và tạo đà cho bước phát triển các năm tiếp theo; phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm 5% (*không bao gồm các khoản thu ổn định*) so với ước thực hiện năm trước. Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà

nước theo hướng tích cực, thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Quản lý hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và dư nợ theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tập trung nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuộc thể mạnh của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng, chú trọng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên như chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng, đẩy mạnh phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất các tổ chức tín dụng khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, gây khó khăn trong tiếp cận tín dụng hoặc có những vi phạm trong hành động đại lý bán bảo hiểm, trái phiếu... Chỉ đạo, giám sát việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo an toàn hệ thống công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, thanh toán thẻ trên địa bàn.

2.1.8. Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển

Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững. Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao và là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; phát triển doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước lớn mạnh về quy mô và đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn hoạt động, trong đó ưu tiên phát triển ở những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế; tăng cường liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác để tạo thành các chuỗi giá trị mang tính bền vững, hiệu quả. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp gắn liền với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng các chuỗi liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã theo cụm ngành, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực có chất lượng; thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tham gia vào thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, tự động hóa sản xuất; đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đào tạo đại học để cung cấp nguồn lao

động có trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của các thành phần kinh tế. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao.

2.1.9. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại

Tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện đặc thù của Tỉnh. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư toàn xã hội cho phát triển kết cấu hạ tầng, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Xác định phát triển hạ tầng giao thông kết nối là cốt lõi để phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục triển khai các dự án giao thông trọng điểm (*tập trung hoàn thành đưa vào khai thác tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; tiếp tục kiến nghị đầu tư cao tốc đoạn Mộc Châu - thành phố Sơn La theo hình thức đầu tư công và kêu gọi đầu tư xây dựng Cảng hàng không Nà Sản theo phương thức PPP*); huy động và ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hệ thống Quốc lộ được phân cấp, đường tỉnh, đường đô thị... theo Quy hoạch tỉnh Sơn La và Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Sơn La theo hướng đồng bộ giai đoạn 2026 - 2030² góp phần xóa bỏ các điểm nghẽn, tạo thuận lợi về kết nối giao thông vùng, liên vùng; đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, trọng tâm là cứng hóa đường đến trung tâm bản gắn với các Chương trình mục tiêu Quốc gia; coi trọng và dành nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải, các công trình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Từng bước xây dựng và phát triển hoàn chỉnh hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững, đảm bảo hài hòa với nông thôn, có sức lan toả, nâng cao chất lượng sống người dân. Ưu tiên sắp xếp và phát triển các đô thị lớn nhằm phát huy vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường, gắn kết chặt chẽ với các vùng kinh tế động lực của tỉnh; trọng tâm là vùng đô thị dọc Quốc lộ 6 (*thuộc khu vực các phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, khu vực các xã phụ cận và các khu vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc các xã Mai Sơn, Thuận Châu, Yên Châu*); vùng đô thị phía Đông Nam gắn với khu du lịch quốc gia Mộc Châu (*thuộc khu vực các phường Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, khu vực các xã phụ cận và khu vực định hướng phát triển đô thị thuộc xã Vân Hồ*); vùng đô thị gắn với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà (*thuộc khu vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc các xã Quỳnh Nhai, Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Ngọc Chiến*); vùng đô thị vùng cao biên giới (*khu*

² Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 13/4/2024.

vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc xã Sông Mã, Sốp Cộp). Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn theo hướng đồng bộ, hài hòa, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương; chú trọng yếu tố đặc trưng, chức năng và bản sắc riêng, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kêu gọi và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, trong đó tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn, hình thành phát triển khu công nghiệp Vân Hồ, cụm công nghiệp ở các địa bàn thuận lợi, có khả năng thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư vào hạ tầng du lịch, nhất là hạ tầng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, du lịch lòng hồ thủy điện; đầu tư, tôn tạo các khu, điểm du lịch như khu di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, các điểm du lịch cộng đồng tại các bản có tiềm năng du lịch.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội (*giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...*). Kiện toàn tổ chức, bộ máy, đơn vị chuyên trách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, vận hành, giám sát các hệ thống quản lý, thông tin, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng nội dung số; đồng hành và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2.1.10. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Có chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm nông sản cốt lõi, có lợi thế phát triển của tỉnh; thu hút phát triển đội ngũ cổ vấn khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút các nhà sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, tiềm năng, đặc sản địa phương của tỉnh Sơn La. Nâng cao năng lực Trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng; phát triển các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, trung tâm nghiên cứu hợp tác giữa doanh nghiệp và các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu phát triển trong sản xuất (R&D) đối với khối doanh nghiệp tư nhân; tăng cường tiềm lực cho các trung tâm tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ cho việc phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Hệ thống tiếp công dân trực tuyến 02 cấp tại Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh và địa điểm tiếp công dân tại các xã/phường. Tăng tỷ lệ

thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Tổ chức và thực hiện phổ biến thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thông kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tri thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đến với mọi đối tượng; thực hiện kết nối chuyên gia, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đầu tư, quản lý, khai thác hiệu quả Khu nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông, lâm nghiệp Mộc Châu. Tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn đo lường Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định đáp ứng nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh và vùng Tây Bắc.

2.1.11. Tập trung phát triển các vùng kinh tế của tỉnh

Phát triển vùng đô thị và quốc lộ 6: Đẩy mạnh đô thị hoá gắn với phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, kết nối đô thị. Phát triển thương mại - du lịch - dịch vụ trên cơ sở tăng cường liên kết, hội nhập với các tỉnh, thành phố lớn của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng kinh tế khác trên cả nước. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp có liên kết về chuỗi cung ứng vào các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản chủ lực gắn với việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu; có chính sách đẩy mạnh xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm Cà phê Sơn La.

Phát triển vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận: Tập trung đầu tư, phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, phấn đấu đến năm 2030 trở thành trung tâm du lịch trọng điểm quốc gia và khu vực; phát triển thành trung tâm chế biến nông sản, du lịch của vùng Tây Bắc. Huy động nguồn lực, tập trung đầu tư hạ tầng cửa khẩu Lóng Sập thành cửa khẩu quốc tế hạ tầng kết nối nội địa với khu vực cửa khẩu; xây dựng và phát triển hạ tầng du lịch đảm bảo với các tiêu chí của Khu du lịch Quốc gia, trọng tâm là các kết nối vùng, liên vùng, kết nối đến điểm du lịch. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực khác. Tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản chủ lực gắn với việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu.

Phát triển vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà: Tiếp tục phát triển các đô thị theo hướng đô thị sinh thái cảnh quan giàu bản sắc; phát triển các điểm dân cư nông thôn theo hướng nông thôn mới, trên cơ sở giữ nguyên quy mô, bản sắc và

tăng cường hạ tầng dịch vụ, tạo tiện ích và sinh thái phục vụ cho phát triển du lịch. Tiếp tục phát triển các khu du lịch trên lòng hồ thủy điện Sơn La, khu du lịch Tà Xùa, khu du lịch Ngọc Chiến theo quy mô thích hợp; phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có thương hiệu, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng. Tập trung phát triển các nhà máy thủy điện theo quy hoạch, nâng cao hiệu quả vận hành hồ chứa các công trình thủy điện trên địa bàn. Phát triển nông nghiệp với việc chuyên canh hóa những khu vực canh tác theo hướng canh tác những cây, con đặc thù đang là thế mạnh; tập trung phát triển nghề nuôi trồng thủy sản và đánh bắt cá khu vực lòng hồ sông Đà; bảo tồn rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đa dạng sinh học đối với rừng sản xuất.

Phát triển vùng cao biên giới: Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh tại khu vực biên giới; nâng cao hiệu quả hợp tác hữu nghị với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác. Tiếp tục phát triển các khu đô thị theo hướng đô thị sinh thái cảnh quan giàu bản sắc; quan tâm đầu tư xây dựng cửa khẩu Chiềng Khương nhằm phát huy mạnh hiệu quả đầu tư và tiềm năng, lợi thế của vùng. Phát triển nông nghiệp với việc chuyên canh hóa những khu vực canh tác theo hướng canh tác những cây, con đặc thù đang là thế mạnh như: mắc ca, cây ăn quả (*trọng tâm là cây nhãn*), cây rừng trồng nguyên liệu, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc...; bảo tồn rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đa dạng sinh học đối với rừng sản xuất; từng bước tăng độ che phủ rừng.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

2.2.1. Lĩnh vực Văn hoá, thể thao

Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao sâu rộng, bền vững, toàn diện, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chú trọng nâng cao chất lượng phong trào xây dựng và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Xây dựng lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số; phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc. Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và điều kiện hưởng thụ văn hóa, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao; chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn chỉnh thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh hiện có; 100% cấp xã có trung tâm văn hoá thể thao; trên 80% dân số vùng sâu, vùng xa, biên giới và 80% các xã vùng dân tộc thiểu số được

hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa. Xây dựng các khu thi đấu thể thao đạt chuẩn quốc gia và quốc tế tại các trọng điểm phát triển du lịch.

Phát huy các nhân tố tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng; đồng thời phê phán, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa để chống phá chế độ, các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan. Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh, kiên quyết phê phán và ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh, không trung thực trong kinh doanh và các hoạt động kinh tế. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa cho thế hệ mai sau, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Sơn La trở thành địa chỉ hấp dẫn, là điểm đến để giao lưu văn hóa với bạn bè trong nước và quốc tế.

Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống thiết chế và cơ sở hạ tầng thể thao; đẩy mạnh phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và thể thao học đường. Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án phát triển thể thao tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực thể thao; thúc đẩy hợp tác, giao lưu và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế thể thao tỉnh Sơn La trong khu vực và cả nước.

2.2.2. Y tế

Củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân. Tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập; khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài. Tập trung hoàn thiện bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa ở cấp tỉnh. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh. Có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong... Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân;

từng bước thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử của người dân. Phấn đấu mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng, từ năm 2026 phấn đấu người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình và theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu hàng năm đạt trên 95%.

2.2.3. Giáo dục, lao động

Thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non tới hết lớp 12 trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2025-2026. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; đến năm 2030, có ít nhất 75% người học trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người; chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đưa năng lực số vào chương trình giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Trung ương. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi. Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng trong tỉnh; ưu tiên đầu tư cao hơn cho phát triển giáo dục đối với vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng cao. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới theo chủ trương, định hướng của Trung ương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục, đào tạo.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp gắn với thị trường lao động; chú trọng đào tạo nhân lực đáp ứng các ngành nghề; quan tâm đào tạo nghề ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn phù hợp với trình độ, điều kiện và lợi thế phát triển của vùng. Ưu tiên phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như: Nông nghiệp công nghệ cao, Dịch vụ du lịch, Công nghiệp chế biến nông sản, ngành Y tế chăm sóc sức khỏe, ngành Giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mở rộng khai thác và phát triển thị trường lao động theo hướng duy trì các thị trường truyền thống, khai thác một số thị trường mới có nhiều tiềm năng, có việc làm ổn định, thu nhập cao. Tăng

cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; có chính sách xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và các chuyên gia trên các lĩnh vực, từng bước đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phần đầu đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động.

2.2.4. An sinh xã hội

Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người yếu thế, vùng đặc biệt khó khăn. Từng bước giảm chênh lệch, phân hóa giàu nghèo, tăng cơ hội phát triển cho các tầng lớp dân cư. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, giúp người dân an cư lạc nghiệp, vươn lên thoát nghèo bền vững. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia; tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, đặc biệt là quan tâm chăm lo phát triển sản xuất, tổ chức lại sản xuất, ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng cao, biên giới đặc biệt khó khăn để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các dân tộc; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức vươn lên thoát nghèo, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân và cán bộ. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống ma túy; thực hiện thường xuyên, liên tục, đồng bộ các giải pháp góp phần xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh, Nhân dân hạnh phúc, kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Tăng cường quản lý người nghiện ma túy đang cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy và tại cộng đồng. Quan tâm dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng, góp phần phòng ngừa tái nghiện, bảo đảm an ninh, trật tự.

2.3. Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên được bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

2.3.1. Tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển các cụm ngành kinh tế gắn kết chặt chẽ với các hoạt

động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, hữu cơ bền vững. Hạn chế các ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững, tạo lập văn hóa tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Tiếp tục quan tâm xây dựng các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý, khai thác sử dụng đất đai bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; gắn với tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, đồng bộ giữa nguồn lực đất đai và các nguồn lực khác nhằm thu hút đầu tư phát triển, phát huy lợi thế đặc thù của địa phương, khu vực, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, công bằng và ổn định xã hội; bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích người dân, lợi ích cộng đồng trước mắt cũng như lâu dài. Khắc phục tình trạng sử dụng một số khu đất lãng phí, để đất hoang hoá, ô nhiễm, suy thoái và những tồn tại, vướng mắc về quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại trên địa bàn tỉnh.

2.3.2. Giải pháp về năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; chiếu sáng công cộng; trong các tòa nhà; trong kinh doanh, dịch vụ, quảng cáo và trong sinh hoạt. Phát triển công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo; xây dựng và thực hiện lộ trình phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng. Tập trung thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án năng lượng tái tạo trong điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi theo chỉ đạo của Trung ương. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

2.3.3. Giải pháp về quản lý, phát triển đô thị và nông thôn

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị

Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị theo hướng bền vững, xanh, văn minh và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển đô thị cần gắn kết hài hòa với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời liên kết chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh. Hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, nông thôn. Tập trung hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các khu chức năng và các loại quy hoạch có liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi. Phát triển hệ thống đô thị bền vững, đồng bộ về mạng lưới, bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị với nhau và với khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết chặt chẽ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung rà soát, lập mới và điều chỉnh hệ thống quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn đảm bảo chất lượng, đồng bộ, thống nhất; phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cũng như với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực tế tại địa phương. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng trong quá trình quy hoạch và phát triển đô thị.

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng; cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm các đô thị.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, chấn chỉnh kịp thời để ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý đầu tư, sử dụng đất, trật tự xây dựng, đấu thầu trên địa bàn tỉnh. Rà soát cân đối, bố trí số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm để thực hiện Đề án “*Đo đạc, hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La*” theo đúng quy định.

2.4. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công

an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; quan tâm chỉ đạo tăng cường phương tiện, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ số, tự động hoá, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; nâng cao chất lượng học tập, huấn luyện, diễn tập; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chú trọng bảo đảm công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an ninh nội bộ; thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đoàn thể trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh thông tin truyền thông, bảo vệ bí mật nhà nước. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự kỷ cương, an toàn, lành mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2.5. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế

Tăng cường, mở rộng, làm sâu sắc thêm công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao chính quyền, đối ngoại Nhân dân. Duy trì, củng cố mối quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế, tăng cường mối quan hệ với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác. Tăng cường đối ngoại Nhân dân; thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài tỉnh. Tăng cường công tác đối ngoại để bảo đảm ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phối hợp xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào hoà bình, hữu nghị, ổn định và phát triển toàn diện, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ đất phục vụ quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh; quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số; tích cực tận dụng cơ hội, điều kiện, nguồn lực quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, doanh nghiệp và sản phẩm; đổi mới công tác thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao hiệu quả việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư; tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về lịch sử, văn hóa,

tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Sơn La với bạn bè quốc tế; mở rộng, đa dạng hóa thị trường khách du lịch quốc tế; hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài vào phát triển giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, quản lý khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý môi trường và thiết bị y tế; ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. HĐND tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, 150 b.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng



CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI	ƯTH năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	TỔNG SỐ: 25 CHỈ TIÊU								
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ	09 chỉ tiêu							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	Bình quân trên 8%/năm	8,03	8,0	8,1	8,1	8,2	8,6
2	GRDP bình quân đến năm 2030	Triệu đồng/người/ năm	90,0	71,6	75	80	86	96	104
3	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 (%)	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	17-18	19,57	22,3	21,7	21,1	19,4	18,0
		- CN - XD	32-33	39,21	29,1	29,7	30,1	32,1	33,2
		- Dịch vụ	43-44	36,15	42,6	42,9	43,2	43,2	43,5
		- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	5-8	5,07	6,0	5,7	5,6	5,2	5,3
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030	Tỷ đồng	Giai đoạn 2026-2030 là 150.000	23.000	25.100	27.500	29.900	32.400	35.100
5	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2030	Tỷ đồng	8.000	5.200	5.050	5.250	5.500	5.750	8.000
6	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	25,8	20,6	21,5	22,4	23,4	24,4	25,8
7	Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030	Nghìn lượt	9.000	5.300	5.850	6.500	7.200	8.000	9.000
8	Tổng thu từ khách du lịch đến năm 2030	Tỷ đồng	12.420	6.300	7.140	8.130	9.360	10.800	12.420
9	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp	5.500	4.000	4.270	4.560	4.860	5.170	5.500

Đinh P

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI	ƯTH năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI	13 chỉ tiêu							
10	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2030	%	50,7	58,90	57,3	55,6	54,0	52,3	50,7
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75,0	65,0	67,0	69,0	71,0	73,0	75,0
	TĐ: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	40,0	30,0	32,0	34,0	36,0	38,0	40,0
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%		7,89	6,39	4,89	3,39	1,89	-
	Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân				Giảm 1,5-2%/năm				
13	Số bác sĩ/10.000 dân đến năm 2030	Bác sĩ	9,50	9,00	9,10	9,20	9,30	9,40	9,50
14	Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2030	Giường	34,50	33,60	33,80	34,00	34,10	34,30	34,50
15	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	Từ 96,35% trở lên	96,20	>96,2	>96,2	>96,2	>96,2	96,35
16	Chỉ tiêu nông thôn mới								
	- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	36		6	12	19	27	36
17	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2030	%	84,4	73,32	74,2	76,7	79,2	81,9	84,4
18	Tỷ lệ bản, tiểu khu, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng di động 5G đến năm 2030	%	100,00	25,88	44,65	63,14	78,64	91,18	100,00
19	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến năm 2030	%	95,22	95,02	95,06	95,10	95,14	95,18	95,22
20	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đến hết năm 2030	%	90,22	90,02	90,06	90,10	90,14	90,18	90,22

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI	U' TH năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
21	Đến năm 2030, số người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý giảm so với đầu nhiệm kỳ	%	5,00		1,00	2,00	3,00	4,00	5,00
22	Đến năm 2030 tỷ lệ xã, phường chuyển hóa, xây dựng không có ma túy	%	50,00	20,0	30,6	41,3	53,3	80,0	100,0
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG	03 chỉ tiêu							
23	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2030	%	98,0	92,5	94,0	95,0	96,0	97,0	98,0
24	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030	%	96,0	94,0	94,4	94,8	95,2	95,6	96,0
25	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định (bao gồm cả diện tích cây ăn quả trên đất dốc) đến năm 2030	%	48,5	48,5	48,5	48,5	48,5	48,5	48,5